TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

Số: 23/BC-ĐBCL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2022*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN SINH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN Học kỳ II/2021 - 2022

*Kính gửi:* **- Ban Giám hiệu;**
**- Các đơn vị.**

## I. Mục đích

- Tiếp thu ý kiến, góp ý của sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong hoạt động giảng dạy.
- Tạo kênh thông tin giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy.
- Giúp cán bộ quản lý có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên.

## II. Quá trình thực hiện

### 1. Đối tượng và phạm vi đánh giá

- Đối tượng: Giảng viên (GV) cơ hữu, GV thỉnh giảng, CBQL có tham gia giảng dạy.
- Phạm vi lấy ý kiến: Tất cả sinh viên các lớp thuộc trình độ đại học, hệ chính quy.

**2. Phương pháp:** Khảo sát online tại trang: http://online.hcmute.edu.vn

**3. Thời gian:** HKII năm học 2021-2022 từ ngày 12/4/2021 đến ngày 18/06/2021.

**4. Nội dung khảo sát:** Phiếu khảo sát gồm 12 câu hỏi đóng thuộc 3 tiêu chí:

(1) Phương pháp GD

(2) Nội dung GD, kiểm tra, đánh giá

(3) Tác phong sư phạm

(4) Ngoài ra còn có 3 câu hỏi mở và 1 câu hỏi lựa chọn theo phương án có sẵn.

**5. Xếp loại chất lượng giảng dạy**

| **Chỉ số chất lượng GD** | **90÷100** | **80÷89** | **70÷79** | **50÷69** | **<49** |
|---|---|---|---|---|---|
| **Xếp loại chất lượng GD** | Xuất sắc | Tốt | Đạt yêu cầu | Cần cải tiến | Yếu |
| **Quy định màu sắc** | Xanh dương | Xanh lá | Vàng | Hồng | Đỏ |

## III. Kết quả thống kê

### 1. Tỷ lệ SV tham gia khảo sát theo Khoa/đơn vị đào tạo có học phần giảng dạy trong học kỳ I năm học 2021-2022.

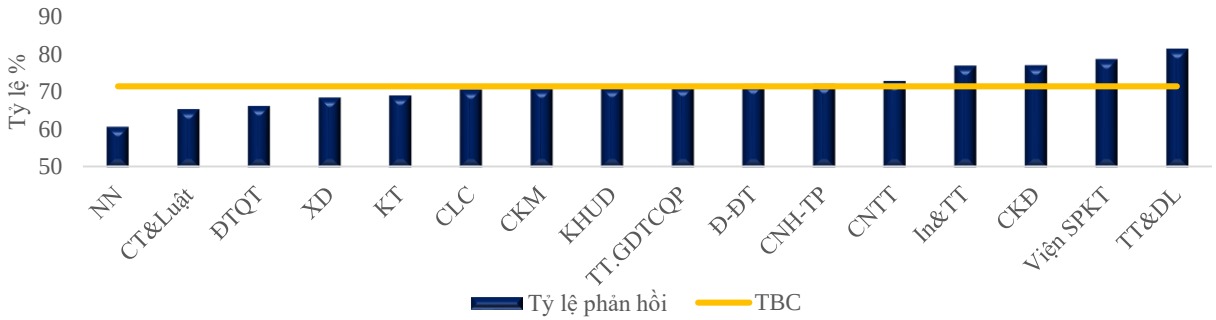


***Hình 1. Tỷ lệ (%) sinh viên tham gia khảo sát theo Khoa/Đơn vị đào tạo***

Theo biểu đồ thống kê ở **Hình 1** cho thấy tỷ lệ trung bình tham gia khảo sát tăng 6.93% so với HKI *(Trung bình toàn trường HKII đạt 71.43%)*, trong nhiều năm qua Nhà trường luôn chú trọng đến ý kiến sinh viên trong hoạt động giảng dạy của giảng viên vì vậy tỷ lệ khảo sát gia tăng sẽ giúp Nhà trường có cái nhìn đa chiều trong việc đánh giá chính xác từng GV trong quá trình dạy và học.

### 2. Kết quả chỉ số giảng dạy theo đơn vị

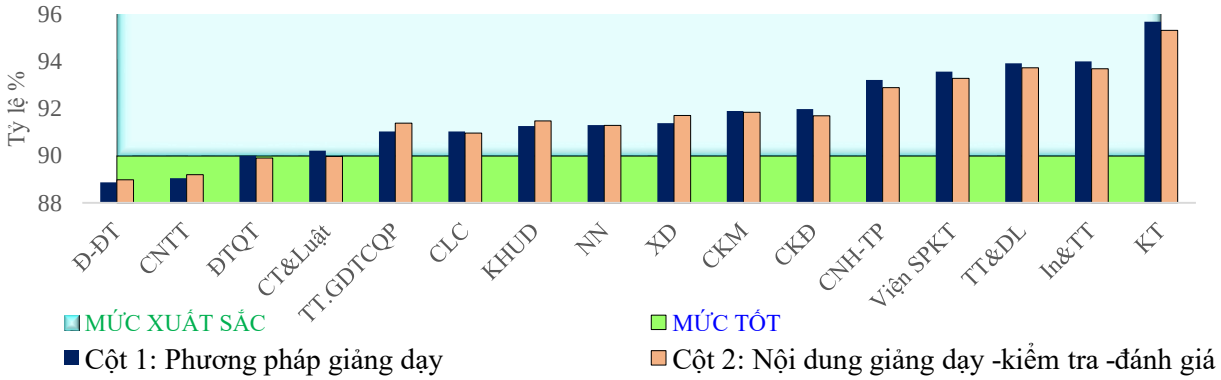


***Hình 2. Chỉ số giảng dạy theo Khoa/Đơn vị đào tạo***

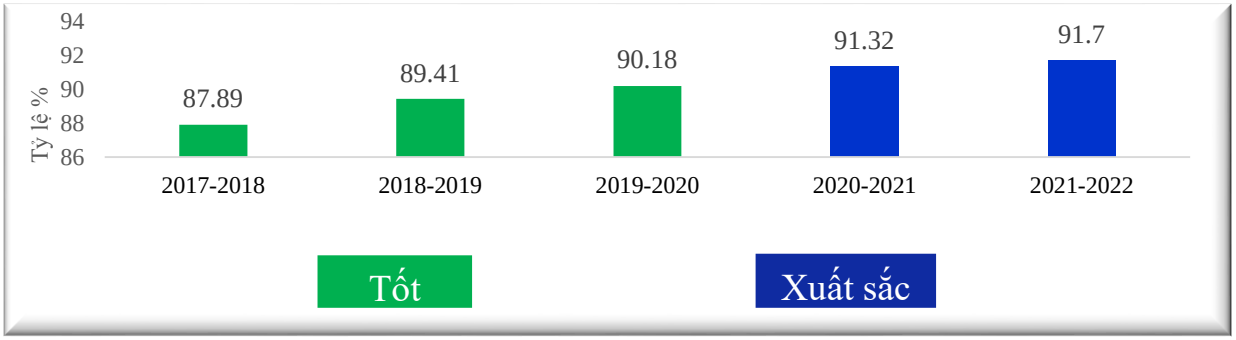


***Hình 3. Thống kê trung bình chỉ số giảng dạy toàn trường qua 5 năm***

Từ biểu đồ **Hình 2 và Hình 3** chỉ số CLGD trung bình các tiêu chí của các đơn vị đều đạt trên 88%, thống kê trung bình chỉ số giảng dạy toàn trường qua 2 năm học cho thấy CLGD của GV đang ở mức rất cao đây là một tín hiệu tốt cho Nhà trường, tuy nhiên vẫn còn có một số những điểm cần phải cải tiến, khắc phục. P.ĐBCL cũng đã thống kê kết quả các GV cần cải tiến của các đơn vị và trình bày ở **Bảng 1** bên dưới.

**Bảng 1. Số lượng GV cần phải cải tiến về CLGD theo đơn vị**

| TT | Đơn vị | Tổng số lượt GV | Tỷ lệ GV thỉnh giảng (%) | Số GV xếp loại cần cải tiến | | Số GV xếp loại Yếu | | Số GV xếp loại CLGD từ khá trở lên nhưng vẫn có tiêu chí, môn học< 69 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) |
| **1.** | K.ĐTQT | 136 | 22.06 | 4 | 2.9 | - | - | 1 | 0.7 |
| **2.** | K. ĐTCLC | 513 | 8.19 | 4 | 0.8 | - | - | 3 | 0.6 |
| **3.** | K.TT-DL | 34 | 32.35 | 2 | 5.9 | - | - | - | - |
| **4.** | K. CKĐ | 44 | 31.82 | 2 | 4.5 | - | - | - | - |
| **5.** | K. KT | 74 | 48.65 | 2 | 2.7 | - | - | - | - |
| **6.** | K. XD | 68 | 26.47 | 1 | 1.5 | 1 | 1.5 | - | - |
| **7.** | K. KHUD | 67 | 46.27 | 1 | 1.5 | - | - | 1 | 1.5 |
| **8.** | K. Đ-ĐT | 94 | 19.15 | 1 | 1.2 | - | - | 1 | 1.2 |
| **9.** | K. CKM | 90 | 26.67 | 1 | 1.1 | - | - | 1 | 1.1 |
| **10.** | K. In&TT | 22 | 54.55 | - | - | - | - | - | - |
| **11.** | K.CT&Luật | 18 | 61.11 | - | - | - | - | - | - |
| **12.** | K. CNH&TP | 48 | 83.33 | - | - | - | - | - | - |
| **13.** | K. NN | 41 | 26.83 | - | - | - | - | - | - |
| **14.** | K. CNTT | 29 | 44.83 | - | - | - | - | - | - |
| **15.** | V. SPKT | 17 | 5.88 | - | - | - | - | - | - |
| **16.** | TT. GDTC&QP | 41 | 73.17 | - | - | - | - | - | - |
| **Toàn trường** | | **1.336** | **25.60** | **12** | **0.89** | **1** | **0.075** | **7** | **0.52** |

Số liệu thống kê ở **Bảng 1** cho thấy toàn trường có số lượng giảng viên bị xếp ở mức "Cần cải tiến/Yếu" chiếm tỷ lệ rất thấp *(0.89%/0.075%)*, tuy nhiên đề nghị BCN của các khoa cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, thống kê số lượng GV có mức đánh giá cần cải tiến qua nhiều năm (ít nhất 2 năm) để xem xét mức độ lặp lại của từng GV khi bị rơi vào mức đánh giá cần cải tiến/yếu nhằm luôn đảm bảo CLGD của tất cả các GV bên trong cũng như ngoài trường.

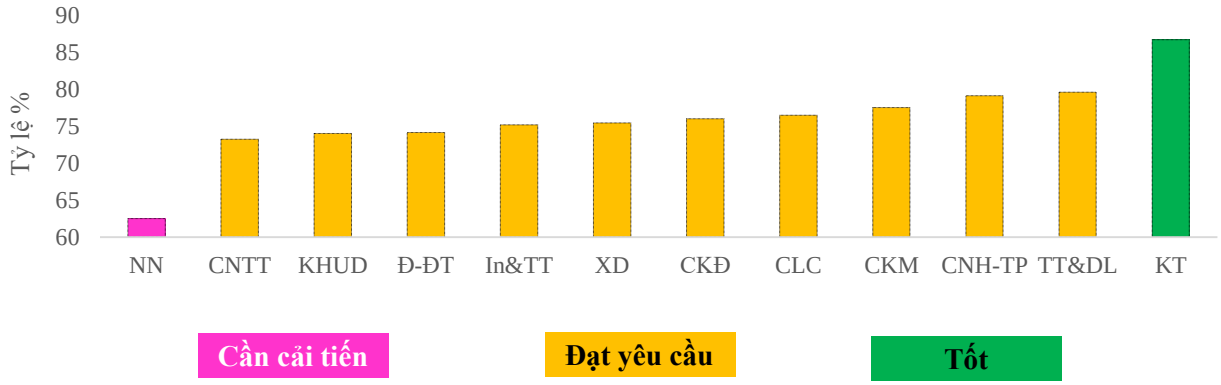


***Hình 4. Thống kê sự hài lòng của SV về trang thiết bị***

***xưởng thực hành/phòng thí nghiệm/thực tập***

Trong phiếu khảo sát gửi đến SV còn có một câu hỏi liên quan đến sự hài lòng khi được học tập trong các xưởng thực hành/phòng thí nghiệm/thực tập, với mong muốn được tìm hiểu về mức độ đáp ứng của trang thiết bị cho các phòng học này. P.ĐBCL đã tiến hành thống kê và **Hình 4** cho thấy hầu hết các xưởng thực hành/phòng thí nghiệm/thực tập chỉ đáp ứng ở mức đạt yêu cầu. Trong các năm học kế tiếp Nhà trường có kế hoạch thực hiện kiểm định, đánh giá các chương trình đào tạo cấp quốc tế (AUN-QA, ABET…) các Khoa/bộ môn cần đề xuất sửa chữa, cung ứng trang thiết bị hiện đại đến BGH Nhà trường, P.TBVT, P.QTCSVC để tu bổ hoặc tìm kiếm nguồn tài trợ cho các phòng học này nhằm phục vụ công tác kiểm định/đánh giá và theo kịp xu thế của thị trường lao động hiện đại.

### 3. Khảo sát ý kiến SV về hiệu quả truyền đạt kiến thức môn học bằng tiếng Anh

Trong HKII năm học 2021-2022 P.ĐBCL triển khai thực hiện khảo sát bằng phiếu tiếng Anh cho các môn học sử dụng tiếng Anh để giảng dạy trong đó việc thống kê kết quả cho câu hỏi "***14.Lecturer uses English effectively to convey knowledge of the subject to students"*** nhằm đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi truyền đạt kiến thức cho SV để đảm bảo chất lượng cho các ngành học quốc tế.

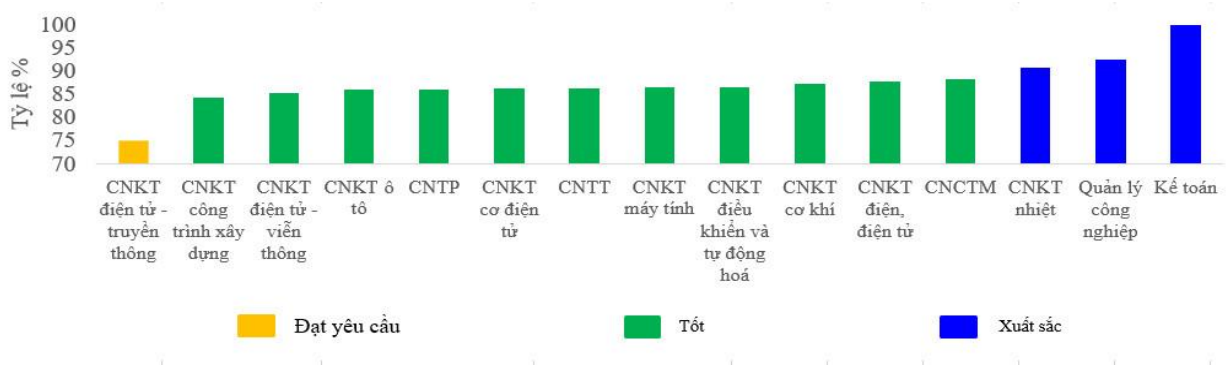


***Hình 5.*** **Thống kê ý kiến sinh viên về hiệu quả truyền đạt kiến thức môn học bằng tiếng Anh của các ngành thuộc Khoa CLC**

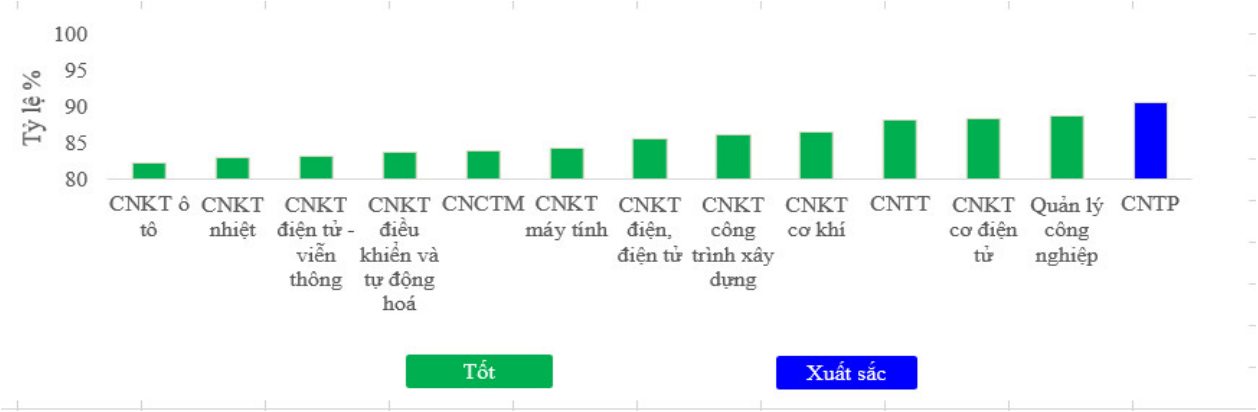


***Hình 6.*** **Thống kê ý kiến sinh viên về hiệu quả truyền đạt kiến thức môn học bằng tiếng Anh của các ngành thuộc Khoa ĐTQT**

Theo **Hình 5 và Hình 6** cho thấy SV rất hài lòng về hiệu quả truyền đạt kiến thức bằng tiếng Anh của GV giảng dạy các môn học, các đơn vị cần phải giữ vững và tiếp tục phát huy cho các năm học kế tiếp để góp phần nâng cao trình độ sử dụng tiếng Anh cho SV khi tốt nghiệp và tham gia vào thị trường lao động trong/ ngoài nước nâng cao uy tín của Nhà trường.

## 4. Kết quả khảo sát về khóa học MOOCs

Cũng trong HKII năm học 2021-2022 P.ĐBCL có đề xuất một khảo sát mới về khóa học MOOCs đã được Nhà trường nghiệm thu và đưa vào hệ thống cho SV học tập, với xu hướng học tập không giới hạn quốc gia, lãnh thổ, Nhà trường đã có định hướng sẽ ngày càng mở rộng hơn nữa các khóa học này vì vậy cần thiết phải thực hiện khảo sát để Ban Giám hiệu, TT.DHS, Ban Chủ nhiệm Khoa/Viện/TT và các GV thiết kế khóa học này nắm rõ được mong muốn, nhu cầu của người học nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn, liên tục cải tiến khóa học để ứng dụng không chỉ trong quy mô trường ĐH SPKT TP.HCM mà còn liên kết đào tạo trực tuyến với các trường khác trong khu vực đồng thời cũng đáp ứng cho nhu cầu học tập suốt đời cho người học trên cả nước.

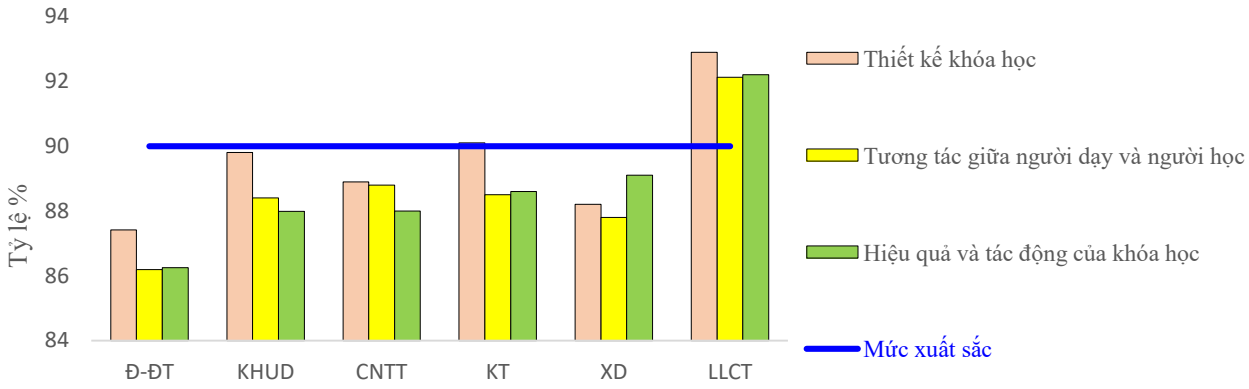


***Hình 8.*** **Thống kê ý kiến SV về các tiêu chí liên quan đến chất lượng khóa học theo đơn vị**

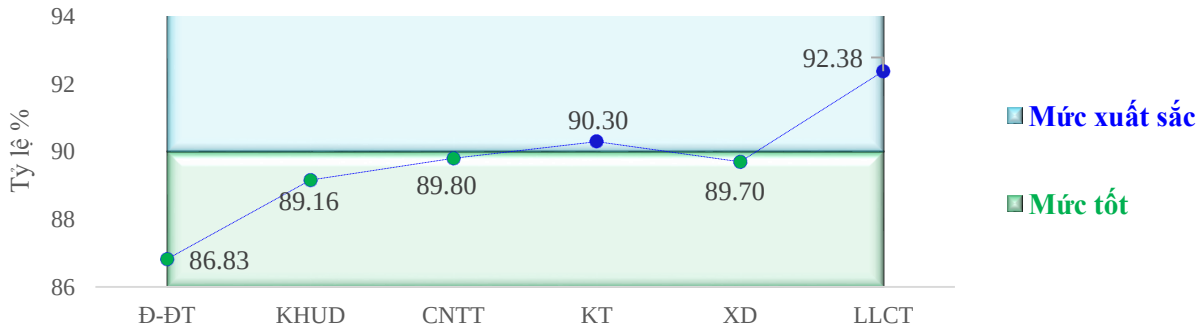


***Hình 9.*** **Thống kê ý kiến SV sự hài lòng về GV giảng dạy khóa MOOCs theo đơn vị**

Theo biểu đồ **Hình 8 và Hình 9** hiện tại sự phản hồi của SV về khóa MOOCs đang ở mức tốt và xuất sắc, tuy số lượng triển khai chưa nhiều (có tổng số 20 GV và 23 khóa học đã triển khai cho toàn trường – **Bảng 2**). Các đơn vị cần tiếp tục đẩy mạnh cho hoạt động này để tiếp tục nâng cao về số lượng và chất lượng cho các khóa học này.

**Bảng 2. Thống kê số lượng GV và khóa học MOOCs đã được triển khai cho SV tham gia học tập tại trường**

| STT | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | |
|---|---|---|---|
| | | GIẢNG VIÊN | KHÓA HỌC |
| 1 | CNTT | 1 | 1 |
| 2 | XD | 1 | 1 |
| 3 | KT | 2 | 2 |
| 4 | LLCT | 4 | 4 |
| 5 | KHUD | 6 | 7 |
| 6 | Đ-ĐT | 6 | 8 |
| **TỔNG** | **6** | **20** | **23** |

## 5. Kết quả khảo sát đồ án khóa luận/tốt nghiệp

Bên cạnh việc khảo sát các môn lý thuyết, thực hành phòng ĐBCL còn có thực hiện khảo sát riêng cho môn đồ án/khóa luận, kết quả khảo sát như sau:

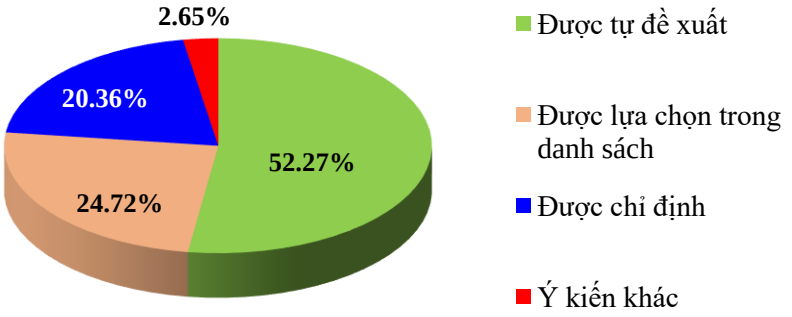


***Hình 10.*** **Thống kê hình thức giao đồ án/khóa luận tốt nghiệp cho SV các Khoa**

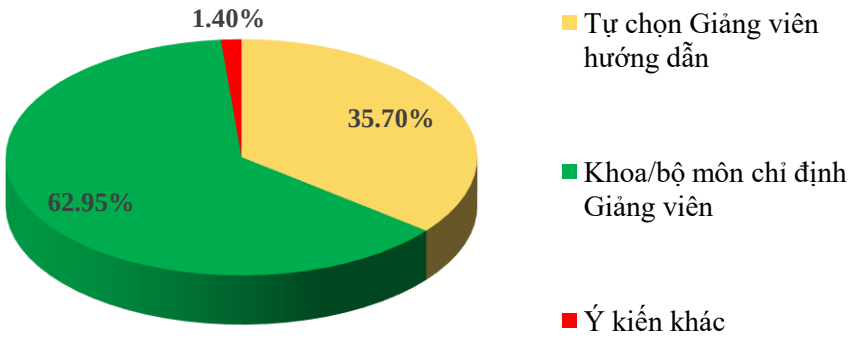


***Hình 11.*** **Thống kê hình thức lựa chọn GVHD đồ án/khóa luận tốt nghiệp các Khoa**

**Hình 10 và Hình 11** cho thấy các đơn vị đều đưa ra nhiều hình thức lựa chọn cách giao đề tài và GVHD trong đó hình thức tự đề xuất đề tài tốt nghiệp và tự liên hệ GV hoặc Khoa lập danh sách các đề tài do GV tự đề xuất được áp dụng nhiều nhất vì có tính chủ động cao, nhiều thuận lợi cho cả GV và SV.

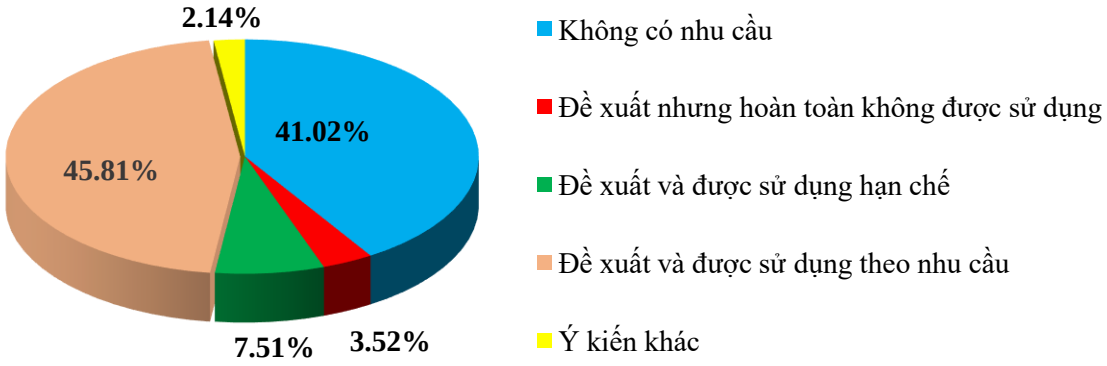


***Hình 12.*** **Thống kê tỷ lệ các Khoa/bộ môn tạo điều kiện sử dụng trang thiết bị hỗ trợ làm đồ án/khóa luận tốt nghiệp**

Biểu đồ thống kê cho thấy có 41.02% SV khảo sát không có nhu cầu sử dụng các trang thiết bị của Nhà trường, có 45.81% SV lựa chọn phương án đề xuất và được sử dụng theo nhu cầu cho thấy sự quan tâm của Lãnh đạo các Khoa/bộ môn luôn sẵn sàng hỗ trợ cho SV hoàn thành một cách tốt nhất cho đồ án/khóa luận tốt nghiệp.

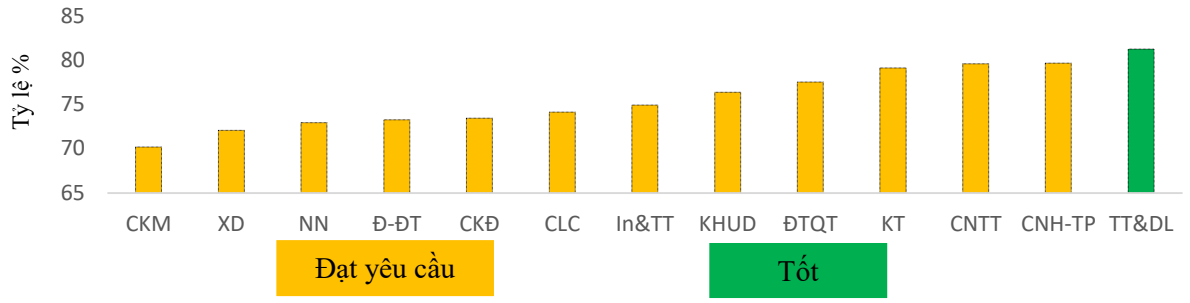


***Hình 13.*** **Thống kê tỷ lệ hài lòng của SV về việc Khoa/bộ môn công bố mẫu báo cáo đồ án/khóa luận tốt nghiệp rộng rãi đến toàn bộ sinh viên**

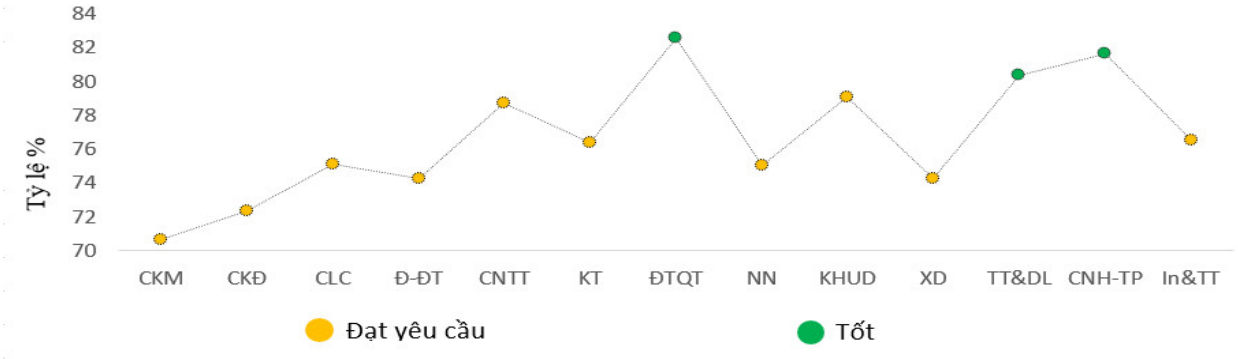


***Hình 14.*** **Thống kê tỷ lệ hài lòng của SV về việc Khoa/bộ môn có quy định rõ ràng khi hướng dẫn đồ án/khóa luận tốt nghiệp**

Biểu đồ cho thấy các Khoa còn hạn chế khi hỗ trợ cho sinh viên về việc công bố các loại biểu mẫu, đưa ra các chính sách/quy định có liên quan đến hoạt động hướng dẫn đồ án/khóa luận tốt nghiệp - phần lớn chỉ được đánh giá ở mức đạt yêu cầu, đề nghị các đơn vị cần quan tâm hơn nữa đến vấn đề này và cần có thêm nhiều hình thức khác nữa khi truyền đạt thông tin đến sinh viên để nâng cao mức đánh giá cho các học kì kế tiếp.

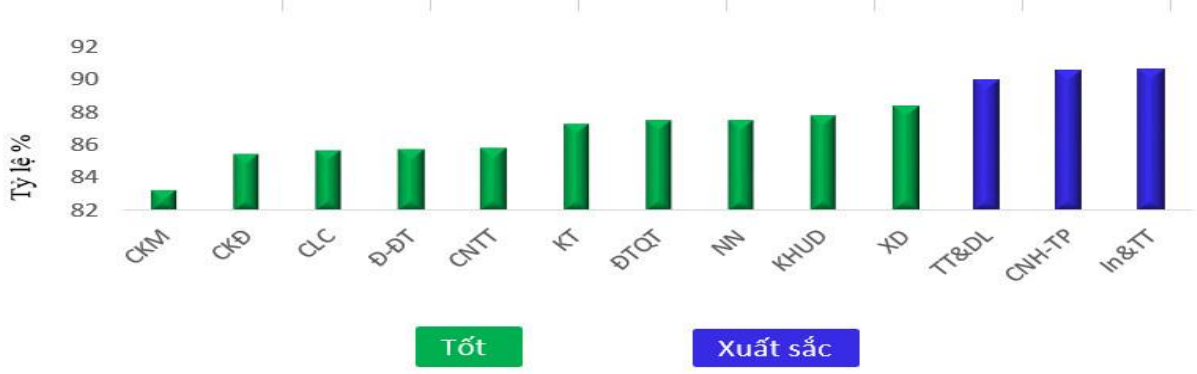


***Hình 15.*** **Thống kê sự hài lòng của SV về GVHD đồ án/khóa luận tốt nghiệp**

Mức độ hài lòng của SV về công tác tổ chức và sự hỗ trợ của Khoa/Bộ môn trong quá trình hướng dẫn đồ án/khóa luận tốt nghiệp của các đơn vị trong toàn trường đang ở mức khá cao. **Hình 15** cho thấy sự hài lòng về GVHD của các Khoa TT&DL, K.CNH-TP, K.In&TT đang ở mức xuất sắc, các khoa còn lại đều ở mức tốt.

## IV. Kết luận, kiến nghị

Thông qua kết quả khảo sát này cho thấy chất lượng giảng dạy của GV Nhà trường về môn học lý thuyết, thực hành, khóa MOOCs, đồ án môn học/khóa luận tốt nghiệp đều được SV đánh giá cao. Nhà trường sẽ tiếp tục nâng cao, cải tiến chất lượng giảng dạy để mang lại một môi trường dạy và học tốt nhất cho GV và SV.

Tỷ lệ SV tham gia hoạt động khảo sát về hoạt động giảng dạy của GV trong học kỳ HKII/2021-2022 có xu hướng gia tăng so với HKI cụ thể là ***tỷ lệ trung bình toàn trường đạt 71.43% (tỷ lệ trung bình toàn trường HKI/2020-2021 là 64.5%).***

Báo cáo kết quả khảo sát của các đơn vị gửi về cho P.ĐBCL tổng hợp tính đến 11h30 ngày 28/7/2022 là 16/16 đơn vị.

P.ĐBCL kiến nghị các đơn vị có môn học liên quan đến thực hành/thí nghiệm cần đề xuất với Lãnh đạo nhà trường, P.TBVT, P.QTCSVC hỗ trợ nhiều hơn nữa cho các xưởng thực hành, phòng lab, phòng thí nghiệm để phục vụ cho việc dạy học và cho các hoạt động kiểm định, đánh giá cấp CSGD, CTĐT sắp tới.

**PTP. PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

**Nơi nhận:**
*-Ban Giám hiệu (để báo cáo);*
*-Các đơn vị (để biết);*
*-Lưu phòng ĐBCL;*
*-Đăng trên website của P. ĐBCL.*

Signature valid

ThS. Phan Thị Thu Thủy

Ngày ký: 11:17:58 29/07/2022